

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
Q.THANH KHÊ TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 59/2019/DS-ST  
Ngày 28 tháng 11 năm 2019  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đặng Ngọc Cường**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hồng** và ông **Phạm Thuận**.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hoàng Yên Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Nguyên Lương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa:

\* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP L; Địa chỉ: Số 44 đường T, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; đại diện theo ủy quyền: Ông H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng – Phòng giao dịch C (theo Giấy ủy quyền số 732/UQ-NHKL ngày 08/5/2019 của TGD Ngân hàng) (có mặt).

\* *Bi đơn:* Bà T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 100 đường T, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH D; địa chỉ: Số K121/4 đường T, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; người đại diện theo pháp luật là ông L - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT (vắng mặt).

**NHẬN THẤY**

*Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 17/10/2012 và ngày 02/01/2013, bà T có vay của Ngân hàng TMCP L, Chi nhánh N – Phòng giao dịch K (nay là Phòng giao dịch C) tổng số

tiền 300.000.000đ theo 02 hợp đồng tín dụng số DB 0465/HĐTD và DB 0514/HĐTD, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số DB 0465/HĐTD ngày 17/10/2012: Số tiền vay: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay 13 tháng. Lãi suất trong hạn: 19,8%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP L tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,65%/tháng. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Vốn vay được trả cuối kỳ vào ngày 17/11/2013; Lãi tiền vay được trả vào ngày 17 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số DB 0514/HĐTD ngày 02/01/2013: Số tiền vay: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 13 tháng. Lãi suất trong hạn: 18,6%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP L tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,65%/tháng. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị; Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Vốn vay được trả cuối kỳ vào ngày 03/02/2014; Lãi tiền vay được trả vào ngày 03 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm thực hiện 02 hợp đồng trên là xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Innova G, biển số 43S-5112, số máy 6579882, số khung 089226223 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH D theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003455, cấp ngày 27/6/2008 tại Phòng Cảnh sát Giao thông thành phố Đà Nẵng. Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 465/HĐTC ngày 17/10/2012 và phụ lục số 01 hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 465/HĐTC ngày 17/10/2012 được ký ngày 02/01/2013. Hợp đồng thế chấp và phụ lục kèm theo đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 23/10/2012.

Trong quá trình vay vốn, bà T chỉ trả được một phần nợ lãi cho Ngân hàng, sau đó bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo như thỏa thuận tại hợp đồng. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền 943.299.904đ, trong đó: số tiền nợ gốc là 300.000.000đ, nợ lãi và tiền phạt vi phạm hợp đồng tạm tính đến ngày 08/5/2019 của hợp đồng tín dụng số 0465/HĐTD là 440.895.840đ và hợp đồng tín dụng số 0514/HĐTD là 202.404.064đ. Đồng thời, yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng từ ngày 09/5/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ theo yêu cầu thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô biển số 43S-5112, nhãn hiệu Toyota Innova G theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003455, cấp

ngày 27/6/2008 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH D.

*\* Trong bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn trình bày:*

Tôi xác nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP L như lời trình bày của đại diện nguyên đơn là đúng. Tính đến ngày 08/5/2019 tôi còn nợ Ngân hàng tổng số tiền theo 02 hợp đồng tín dụng là 943.299.904 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và nợ lãi là 643.299.904đ (trong đó tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 0465/HĐTD là 440.895.840đ và theo hợp đồng tín dụng số 0514/HĐTD là 202.404.064đ). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tôi đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm của Công ty TNHH D vì thực tế tôi chỉ là người đứng tên vay giúp cho Công ty TNHH D. Bản thân tôi sẽ tìm thông tin của ông L là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH D để cung cấp cho Tòa án.

Đối với tài sản bảo đảm thực hiện 02 hợp đồng này là 01 xe ô tô biển số 43S-5112, nhãn hiệu Toyota Innova G theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003455, cấp ngày 27/6/2008 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH D; hiện nay do Công ty TNHH D đang quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

## **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP L với bị đơn bà T là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận Thanh Khê nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn đối với bị đơn là bà T. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 17/10/2012 và ngày 02/01/2013, bà T có vay của Ngân hàng TMCP L, Chi nhánh N, Phòng Giao dịch K (nay là Phòng Giao dịch C) tổng số tiền là 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số DB 0465/HĐTD và hợp đồng tín dụng số DB 0514/HĐTD. Các hợp đồng này được ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền lãi hàng tháng và trả gốc khi khoản nợ đến hạn. Theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng thì bà T có nghĩa vụ trả lãi vào ngày 03 và ngày 17 hàng tháng. Các hợp đồng tín dụng đến hạn trả hết nợ gốc lần lượt là ngày 17/11/2013 và ngày 03/02/2014. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các thỏa thuận về trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ, cụ thể là bà T chỉ trả được một phần tiền lãi và khi nợ gốc đến hạn bà T không trả hết số nợ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện việc trả nợ. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, vi phạm hợp đồng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà T đã thừa nhận khoản nợ đối với Ngân hàng nhưng cho rằng bản thân chỉ đứng tên vay giùm cho Công ty D, bà T không nhận tiền vay và không sử dụng tiền vay và đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của Công ty D. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong các hợp đồng tín dụng, bà T là người đứng tên bên vay và ký các thỏa thuận về đảm bảo nghĩa vụ của người vay tiền, bà T không có chứng cứ chứng minh việc đứng tên vay giùm cho Công ty D nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời khai của bà T. Nếu giữa bà T và Công ty D có thỏa thuận về việc đó thì các bên có thể thương lượng hoặc giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Tính đến ngày 28/11/2019, bà T còn nợ Ngân hàng TMCP L số tiền tổng cộng là 875.624.166 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000đ, nợ lãi là 575.624.166đ. Hội đồng xét xử buộc bà T có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP L.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty D dùng tài sản là xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Innova G, biển số 43S-5112, số máy 6579882, số khung 089226223 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH D, theo

Giấy đăng ký xe ô tô số 003455, cấp ngày 27/6/2008 tại Phòng Cảnh sát Giao thông thành phố Đà Nẵng để thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 465/HĐTC ngày 17/10/2012 và phụ lục số 01 hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 465/HĐTC ngày 17/10/2012 được ký ngày 02/01/2013. Trong trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp nêu trên sẽ được xử lý theo Điều 323 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà T phải chịu theo quy định của pháp luật, cụ thể:  $36.000.000 + (75.624.166đ \times 3\%) = 38.268.500đ$ .

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP L đối với bà T.

2. Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

\* **Xử** : Buộc bà T phải trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tổng cộng 875.624.166 đồng, trong đó tiền gốc là 300.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 28/11/2019 là 575.624.166 đồng, cụ thể:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0465/HĐTD ngày 17/10/2012 là 200.000.000đ tiền gốc và 393.525.000đ tiền lãi tính đến 28/11/2019.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0514/HĐTD ngày 02/01/2013 là 100.000.000đ tiền gốc và 182.099.166đ tiền lãi tính đến 28/11/2019.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 29/11/2019 trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 0465/HĐTD ngày 17/10/2012 và hợp đồng tín dụng số 0514/HĐTD ngày 02/01/2013.

Khi bà T trả hết tiền nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy Giấy đăng ký xe ô tô số 003455, cấp ngày 27/6/2008 tại Phòng Cảnh sát Giao thông thành phố Đà Nẵng cho công ty TNHH D.

\* **Về xử lý tài sản thế chấp:** Trong trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Innova G, biển số 43S-5112, số máy 6579882, số khung 089226223 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH D theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003455, cấp ngày 27/6/2008 tại Phòng Cảnh sát Giao thông thành phố Đà Nẵng sẽ được xử lý theo Điều 323 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 38.268.500đ, bà T phải chịu. Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền 20.149.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 4982 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Ngọc Cường**